



ĐẠI SỨ QUÁN HỢP CHỨNG QUỐC HOA KỲ
Phòng Thông tin - Văn hóa

Tầng 3, Rose Garden Tower, 6 Ngọc Khánh, Hà Nội
Tel: 831-4580 * Fax: 831-4601 * Email: irchano@pd.state.gov

TẠP CHÍ ĐIỆN TỬ CỦA BỘ NGOẠI GIAO HOA KỲ
CÁC VẤN ĐỀ DÂN CHỦ, THÁNG 8/2002
GIÁO DỤC PHÁP LUẬT Ở HOA KỲ

GIÁO DỤC PHÁP LUẬT Ở MỸ:
NGUỒN GỐC VÀ QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN

Bài viết của Robert W. Gordon

Lịch sử giáo dục pháp luật ở Mỹ phản ánh sự tiến triển của nền dân chủ Hoa Kỳ - từ những ngày đầu của nền Cộng hòa khi các tiêu chuẩn chuyên môn còn rất hạn chế và luật đang còn là lĩnh vực hoạt động riêng biệt của tầng lớp đàn ông da trắng có sở hữu tài sản, cho đến tình hình hiện nay với sự phát triển mà những luật gia ở các thị trấn nhỏ thời kỳ hậu thuộc địa, những người chỉ có chuyên môn thông qua việc học nghề vài năm ở một văn phòng luật sư, khó có thể nghĩ đến. Như Robert W. Gordon, giáo sư luật Đại học Yale đã nêu chi tiết trong bài viết này, giáo dục pháp luật đã phát triển mạnh mẽ từ những bước khởi đầu ở thế kỷ 20.

Ở các trường luật ngày nay, với nhiều ban ngành hơn vài thập kỷ trước đây, các khóa học trong các lĩnh vực như quyền dân sự, quyền phụ nữ, phân biệt đối xử nghề nghiệp và gần đây nhất là nghiên cứu luật pháp toàn cầu đã được đưa vào chương trình giảng dạy vốn vẫn đang còn trong giai đoạn tiến hành sửa đổi.

Ở Mỹ, từ "luật sư" mang nhiều nghĩa khác nhau. Có những luật sư xuất hiện ở tòa án trước các quan tòa và hội thẩm đoàn, và cũng có nhiều luật sư chưa bao giờ xuất hiện trong phòng xét xử; các đối tác của các công ty luật lớn ở thành phố tuyển dụng từ 500 đến 1000 luật sư làm các công việc chuyên môn cho các tập đoàn đa quốc gia; các luật sư làm việc ở ban quản lý công ty; các luật sư hành nghề độc lập hoặc ở các công ty nhỏ để giúp gia đình và các doanh nghiệp nhỏ về các vấn đề pháp lý như ly hôn, di chúc, chuyển giao tài sản, tranh chấp hay phá sản; các luật sư đại diện cho thân chủ trong các vấn đề cá nhân như nạn nhân của một vụ tai nạn hay những người bị tình nghi phạm tội; luật sư của chính phủ, công tố viên và quan toà; các giáo sư luật; các luật sư làm việc cho các tổ chức giúp đỡ người nghèo khó và các luật sư đấu tranh vì sự nghiệp luật pháp. Luật cũng là nghề được ưa chuộng để tham gia chính trường.

Các luật sư ở Mỹ dù có khác biệt về chuyên môn, danh tánh và thu nhập, khách hàng và hoàn cảnh xuất thân nhưng tất cả đều làm một nghề có tính thống nhất và cùng có bằng cấp, học vấn và đào tạo cơ bản chính thức như nhau. Họ đều được nhận làm thành viên của "Hội Luật gia" -- tổ chức chính thức

của nghề luật -- của một hay trong tổng số 50 bang theo các quy định do các tòa án bang cao nhất đưa ra. Và hầu hết những người này đều đã học ở một trường luật nào đó.

Việc hành nghề phải chịu sự kiểm soát của các hội luật gia, tòa án các bang và các trường giảng dạy môn luật. Hiện nay, hầu hết các bang đòi hỏi một người muốn trở thành luật sư phải hoàn thành 4 năm đại học, sau đó là 3 năm ở một trường luật được Hội Luật gia quốc gia công nhận (Hội Luật gia Mỹ hoặc ABA) và cuối cùng là đỗ một kỳ thi về luật. Có khoảng 50-80% thí sinh đỗ kỳ thi về luật ở phần lớn các bang. Trong thực tế, hệ thống này khiến việc được nhận vào học ở một trường luật trở thành bước mấu chốt và khó nhất để được chấp nhận làm nghề luật sư.

Hiện nay có 185 trường luật được Hội Luật gia Hoa Kỳ công nhận với khoảng 2000 giáo sư giảng dạy chính thức. Các trường này được hỗ trợ từ tiền học phí của sinh viên, tiền tặng của các sinh viên đã tốt nghiệp và nếu đó là trường công thì họ sẽ nhận được các khoản trợ cấp của cơ quan lập pháp bang. Các trường luật ở Mỹ đào tạo bậc sau đại học chứ không dành cho bậc đại học. Việc tuyển sinh có tính chọn lọc cao và được quyết định bởi điểm học tập cao ở bậc đại học và một kỳ kiểm tra được chuẩn hóa (kỳ thi Tuyển sinh vào trường luật hay gọi tắt là LSAT). Ví dụ, trường luật Yale có 5000 thí sinh nộp đơn xin học trên tổng số 170 xuất của lớp năm nhất. Chi phí cũng là rào cản đáng kể. Sinh viên ở các trường luật tư phải đóng khoảng 30.000 đô-la mỗi năm; ngay cả ở các trường luật công lập sinh viên phải đóng từ 15.000-20.000 đô-la mỗi năm; và vì vậy nhiều sinh viên tốt nghiệp ra trường với khoảng nợ 100.000 đô-la hay còn nhiều hơn thế.

Các trường luật không chỉ giám sát những người theo học nghề này mà còn tác động đến cả cơ hội của họ sau khi tốt nghiệp. Các sinh viên tốt nghiệp với thứ hạng cao ở các trường danh tiếng sẽ được tuyển dụng làm những công việc được trả lương cao nhất và có nghề nghiệp uy tín, ví dụ ở các hãng luật ở các thành phố lớn. Trong khi đó, những sinh viên tốt nghiệp với thứ hạng thấp có thể gặp khó khăn khi kiếm việc trong vai trò luật sư.

Năm đầu tiên

Cho dù các trường thực sự chuẩn bị cho sinh viên tốt nghiệp ra trường có thể làm việc trong nhiều ngành nghề khác nhau nhưng chương trình và phương pháp học cơ bản rất giống nhau. Các trường này đều dạy các khóa như nhau trong năm đầu tiên -- khóa về tài sản, hợp đồng, các vụ luật dân sự (như bị chấn thương do xe tông hay các mặt hàng bị lỗi), trình tự thủ tục và luật hình sự -- và dạy theo phương pháp xử lý từng trường hợp cụ thể. Trước khi đến lớp, sinh viên được đọc một vài "vụ kiện" -- các quyết định và ý kiến của các tòa án bang và liên bang được tập hợp trong sách "các vụ kiện"; sau đó giáo sư sẽ hướng dẫn sinh viên tham gia vào cuộc đối thoại về các vụ kiện đó. Một lớp học luật năm đầu tiên có thể bắt đầu xem xét một trường hợp có tính hư cấu như sau:

Giáo sư (GS): Anh Fox có thể cho tôi biết các dữ kiện nào được đưa ra trong vụ *Hawkins kiện McGee*?

Fox: Hawkins bị chấn thương ở tay trong một vụ tai nạn, vì vậy anh ta hỏi ý kiến bác sĩ McGee. Bác sĩ McGee nói rằng anh ta có thể phẫu thuật "chữa lành tay 100%". Nhưng ca phẫu thuật không thành công và tay của Hawkins không được chữa lành. Vì vậy Hawkins kiện bác sĩ vì tội phá vỡ hợp đồng.

GS: Thế Bác sĩ McGee bào chữa như thế nào?

Fox: McGee nói rằng ông ta không đưa ra lời hứa và ngay cả khi ông ta có hứa thì bác sĩ cũng không thể chịu trách nhiệm pháp lý đối với các tuyên bố họ nói với bệnh nhân về kết quả của việc chữa trị.

GS: Về mặt trình tự thủ tục, vụ kiện đã được xử ở tòa như thế nào? Và vụ này được đưa lên tòa án bang tối cao như thế nào?

Fox: McGee đề nghị quan tòa chánh án yêu cầu hội thẩm đoàn tuyên bố McGee, phía bị cáo, thắng kiện với lý do là bác sĩ không chịu trách nhiệm pháp lý về các tuyên bố với bệnh nhân. Quan tòa chánh án từ chối và hội thẩm đoàn cho Hawkins thắng kiện. McGee chống án, cho rằng quan tòa chánh án phải chấp nhận yêu cầu của ông ta. Tòa án tối cao phê chuẩn quyết định của quan tòa chánh án về yêu cầu này, nhưng đồng thời cho rằng quan tòa đã đưa ra chỉ dẫn sai về vấn đề thiệt hại.

GS: Anh Fox có đưa sót một dữ kiện quan trọng nào không? Hawkins có yêu cầu bồi thường gì khác không? à, mời cô Golberg?

Goldberg: Hawkins cũng kiện McGee vì không thực hiện đúng chức năng của một bác sĩ và cho rằng anh ta không được quan tâm đúng mức. Về yêu cầu này, quan tòa chánh án yêu cầu hội thẩm đoàn đứng về phía McGee. Quan tòa nói rằng không có bằng chứng về việc McGee không thực hiện đúng chức năng của mình.

GS: Tại sao? Hawkins nên đưa ra bằng chứng nào? Nhân chứng, hồ sơ hay bằng chứng khác? Ai có thể trình bày về vấn đề này? Mời anh Lee?

Lee: Tôi nghĩ là ông ta nên cần bằng chứng về việc bác sĩ đã mắc sai lầm và nên nhờ một bác sĩ khác xác nhận điều này.

GS: Đề nghị anh Fox quay lại ý kiến của tòa án về việc chống án. Tòa án có đưa ra quyết định đúng hay không? Nếu anh biện hộ cho ông McGee trong trường hợp này, anh sẽ đưa ra lập luận nào về việc bác sĩ không chịu trách nhiệm pháp lý do phá vỡ hợp đồng cho dù họ hứa sẽ chữa được bệnh và lời hứa đó đã không được thực hiện?

Các yêu cầu sơ bộ

Hệ thống giáo dục pháp luật với chương trình 3 năm sau đại học, có đội ngũ giáo viên giảng dạy chính quy theo chương trình gần như được chuẩn hóa và sử dụng phương pháp xử lý từng trường hợp cụ thể chỉ được hình thành dần dần và mãi đến thế kỷ 20 mới xuất hiện hệ thống này. Trong cuộc kháng chiến chống lại sự thống trị của Anh, người Mỹ đã bác bỏ tầng lớp quý tộc và sự độc quyền. Trong những ngày đầu của nền cộng hòa, ý thức đó phát triển thành sự hoài nghi có tính dân chủ về các đặc quyền nghề nghiệp và các tổ chức chuyên môn. Phần lớn các bang không áp đặt các đòi hỏi giáo dục chính quy nào hay các kỳ kiểm tra đối với các luật sư; nhiều nhất họ cũng chỉ yêu cầu vài năm học nghề ở một văn phòng luật sư. Tuy vậy, một vài trường luật cũng được thành lập như trường luật Litchfield nổi tiếng ở vùng Tây Connecticut và một vài trường đại học luật liên kết với các trường William và Mary,

Harvard và Columbia. Những trường luật sớm ra đời này đã đào tạo nhiều luật sư hàng đầu của nền cộng hòa mới. Nhưng các trường này chỉ đòi hỏi có bằng trung học và chỉ một hay hai năm học luật và giáo viên giảng dạy thường là những luật sư dạy bán thời gian. Sinh viên nghe các bài giảng và đọc các bài giáo trình tham khảo hay các bài bình luận về các chủ đề luật.

Chiều hướng thay đổi

Chiều hướng thay đổi bắt đầu xuất hiện trong những năm 1870. Sự phát triển vượt bậc của khoa học tự nhiên, danh tiếng của các trường đại học lớn ở Châu Âu (đặc biệt là Đức), nhu cầu cấp thiết về tuyển dụng người tài trong quản lý hoạt động công nghiệp và chính phủ đã mang lại sự tin tưởng mới cho các chuyên gia đã được đào tạo và sự cần thiết ổn định nghề nghiệp một cách có tổ chức nhằm hỗ trợ cho họ. Các luật sư hàng đầu đã thành lập các Hội luật gia mới, ví dụ Hội luật gia thành phố New York vào năm 1870 và Hội luật gia Hoa Kỳ năm 1878 với mục tiêu đưa ra các yêu cầu mới về giáo dục và thi tuyển để được công nhận hành nghề luật và xây dựng một hệ thống kỷ luật nhằm loại bỏ tệ tham nhũng cũng như cho thôi việc các luật sư và quan tòa không đủ năng lực.

Một phần động cơ của các nhà cải cách là nâng cao tiêu chuẩn giáo dục, năng lực hành nghề và đạo đức. Nhưng đồng thời họ cũng hy vọng các tiêu chuẩn mới sẽ ngăn bớt làn sóng mới của các luật sư nhập cư từ Nam Âu đến hành nghề. Mục tiêu của họ là xóa bỏ các con đường khác cho phép hành nghề luật như học việc, theo học các lớp ban đêm và các trường dạy bán thời gian và cũng để giữ chỗ làm việc cho các sinh viên tốt nghiệp đại học, vào thời gian đó chỉ chiếm 2% dân số. (Mãi cho đến thế kỷ 20 họ mới đạt được mục đích cuối này vì vào thời gian đó trên 25% dân số đã có bằng đại học).

Mô hình Harvard

Trường luật Harvard là trường đi tiên phong. Từ 1870-1900, Hiệu trưởng Đại học Harvard C.C. Langdell và các đồng nghiệp đã xây dựng một mô hình mới về giáo dục pháp luật. Mô hình Harvard đòi hỏi sinh viên đã được đào tạo ở bậc đại học và được cấp bằng. Trường xây dựng chương trình ba năm gồm các khóa học tiếp nối nhau với các kỳ thi thường kỳ cho mỗi khoá; và cho thôi học những học sinh nào không đỗ các kỳ thi. Để dạy môn luật như là một ngành khoa học, trường đã giới hạn chương trình học trong các môn luật tư pháp, đây là hệ thống các môn học trong chương trình năm đầu mà phần lớn các trường luật ngày nay áp dụng: luật dân sự, hợp đồng, tài sản và thủ tục dân sự. Trường thuê các giáo viên luật tham gia dạy chính thức và lập thành khoa. Các giáo viên của trường xuất bản sách về các vụ việc và dạy cho sinh viên theo phương pháp xử lý từng trường hợp một, giúp cho họ làm quen với các tài liệu cơ bản về các vụ việc, học một cách chủ động và phối hợp với nhau thông qua các cuộc trao đổi với giáo viên thay vì chỉ thụ động lắng nghe bài giảng. Các sinh viên giỏi nhất của mỗi lớp sẽ được chọn biên tập tập san Luật của Đại học Harvard, đây là tập san xuất bản các công trình nghiên cứu của các giáo sư luật cũng như các ghi chép và nhận xét của sinh viên luật về các vụ kiện và sự phát triển luật pháp. Việc tham gia Ban biên tập Luật san trở thành yếu tố xác nhận khả năng thích hợp các công việc như thư ký cho các quan tòa, giáo viên luật hay làm việc trong các hãng luật ở các thành phố lớn.

Mô hình của đại học Harvard về giáo dục pháp luật đã lần lượt mở rộng đến các trường khác và cuối cùng tất cả các trường đều áp dụng mô hình này. Tuy nhiên, các nhà phê bình cho rằng mô hình này

dạy quá ít về các vấn đề liên quan đến việc hành nghề luật như không có kỹ năng xét xử hay tập cách dự thảo tài liệu, không nghiên cứu trực tiếp các quy chế (lập pháp) và quy định của các cơ quan hành chính vốn đang ngày càng thay thế các vụ việc dựa trên phán quyết của quan tòa (hay là luật tập tục) trong vai trò là mô hình căn bản để xây dựng luật. Chương trình học cũng không có kiến thức về luật công ty hay luật do các cơ quan có thẩm quyền đưa ra. Những người ủng hộ mô hình Harvard thừa nhận những phê bình đó là đúng, tuy nhiên họ cho rằng mô hình này dạy các kỹ năng tổng quát để có "tư duy như một luật sư", giúp những sinh viên tốt nghiệp có thể áp dụng một cách linh hoạt trong bất cứ bối cảnh công việc nào. Những chương trình luật khác như "tòa án giả" trong đó các sinh viên tranh cãi các vụ việc có tính hư cấu trước một hội đồng các quan tòa đã góp phần bổ sung cho mô hình trên.

Những người theo trường phái luật hiện thực

Sau năm 1920, một nhóm các nhà phê bình gọi là "những người theo trường phái luật hiện thực" đã công kích mô hình Harvard vì mô hình này chỉ giảng dạy các quy tắc và nguyên tắc chính của luật, các lý thuyết có tính giáo điều hay các học thuyết về luật. Họ cho rằng các lý do mà quan tòa đưa ra để phán quyết các vụ kiện hiếm khi là các yếu tố thực đằng sau các quyết định này. Họ lập luận rằng luật cần được nghiên cứu và giảng dạy như là một sản phẩm của xã hội, phát sinh trong các xung đột xã hội, phục vụ lợi ích và chính sách xã hội. Những người này đã thúc giục các học giả kết hợp luật với các môn khoa học xã hội khác, tiến hành các nghiên cứu thực nghiệm về tòa án, các cơ quan và quy trình xây dựng luật pháp và dạy cho sinh viên cách lập luận có kết quả trên cơ sở chính sách xã hội.

Chương trình của những người theo trường phái luật hiện thực đã nhận được sự hỗ trợ mạnh mẽ của Tổng thống Franklin D. Roosevelt (1932-1940) qua chương trình Chính sách mới. Chính sách mới tạo cơ hội cho nhiều giáo sư luật tham gia vào các hoạt động của chính phủ trong vai trò dự thảo luật pháp và luật sư cho các cơ quan của chính quyền mới. Các quy định mới của liên bang đã đưa hàng ngàn sinh viên luật mới tốt nghiệp vào làm việc ở các công ty luật tư nhân và chính phủ. Sau chiến tranh thế giới thứ II, các luật sư đã từng làm việc trong giai đoạn Chính sách mới tham gia giảng dạy cho các trường luật và giới thiệu các khóa học mới trong lĩnh vực lập pháp -- thuế, lao động, chứng khoán, chống độc quyền và luật công nghiệp. Sách về các vụ kiện nay còn được bổ sung thêm các tài liệu như các quy chế, quy định của các cơ quan hành chính, báo cáo của chính phủ và các nghiên cứu khoa học xã hội.

Làn sóng thay đổi mới

Các cao trào xã hội trong những thập niên 60 và 70 đã mang lại nhiều làn sóng thay đổi mới trong giáo dục pháp luật. Phong trào xã hội vì quyền của những người Mỹ gốc Phi và phụ nữ đã làm phát sinh các khóa học mới trong chương trình học về luật dân sự -- lần đầu tiên trở thành một chủ đề trung tâm của ngành luật hiến pháp -- và khóa học về phân biệt đối xử nghề nghiệp. Một bộ phận các quy định xã hội mới, đặc biệt về môi trường, dẫn đến nhu cầu thành lập một lĩnh vực mới là luật môi trường.

Vào năm 1965, Tổng thống Lyndon Johnson xây dựng chương trình các dịch vụ về luật do chính phủ liên bang tài trợ nhằm phục vụ các khách hàng có hoàn cảnh khó khăn và thay mặt các nhóm khách hàng nghèo túng đệ đơn kiện. Thông qua chương trình này và các chương trình tài trợ thành lập các dịch vụ luật giúp người nghèo, các trường luật nảy sinh ý tưởng xây dựng các văn phòng luật ở ngay trong trường học với đội ngũ cán bộ mới là các giáo viên dạy luật thông qua xử lý các vụ việc thực tế

với sự chứng kiến của sinh viên. Ở đây các học sinh không chỉ học cách tư duy như một luật sư mà còn có cơ hội đại diện cho các thân chủ khi vẫn còn đang học ở trường dưới sự giám sát của các luật sư đang hành nghề và các giáo viên luật. Ngày nay, ở nhiều trường luật, phần lớn các học sinh đã có kinh nghiệm trong việc đại diện cho chủ đất trong vấn đề cho thuê nhà, tù nhân, tội phạm bị tình nghi, những người được nhận phúc lợi xã hội, dân nhập cư tìm cách vào Mỹ hay ở lại Mỹ, các con nợ nghèo khó trong các vụ tranh chấp về tiêu dùng hay các vụ kiện về môi trường.

Các phong trào xã hội mới cũng làm thay đổi thành phần dân cư theo học ở các trường luật. Các trường luật ở miền Nam không nhận học sinh da đen còn các trường ở miền Bắc thì nhận rất ít. Kể từ thập kỷ 70 tình hình mới thay đổi và học sinh da đen và học sinh nói tiếng Tây Ban Nha chiếm khoảng 10% trong mỗi lớp. Trước năm 1970, các trường luật đưa ra chỉ tiêu tuyển sinh hạn chế đối với nữ giới; từ năm 1970-1990, số học sinh nữ đăng ký học ở các trường luật đã tăng từ 4-50%. Trong những năm 70 và 80, các trường luật phải tăng quy mô gấp đôi để có chỗ cho những học sinh mới này.

Luật hành chính và luật điều lệ, các nguyên tắc về xử lý vụ việc có sinh viên tham gia chứng kiến, luật người nghèo, luật môi trường và luật dân sự là những điều chỉnh để thích ứng với các thay đổi và thách thức bên ngoài. Các trường luật cũng bắt đầu giải quyết các thách thức nảy sinh từ bên trong giới học thuật. Vào những năm 1930, các trường luật đã tiếp xúc với các ngành khoa học xã hội khác -- đặc biệt là kinh tế học, lịch sử, tâm lý học, xã hội học và nhân chủng học -- nhưng những ngành này đều nằm ngoài lề nghiên cứu của luật. Vào những năm 70, giảng viên luật mới bắt đầu kết hợp các ngành khác trong nghiên cứu và giảng dạy một cách mạnh mẽ hơn bao gồm triết học về đạo đức và phân tích, lịch sử xã hội, nghiên cứu phụ nữ, khoa học chính trị và tội phạm học. Sự kết hợp mạnh mẽ và có ảnh hưởng sâu rộng nhất là giữa luật và kinh tế học. Hết lĩnh vực này đến lĩnh vực khác của luật -- từ chống độc quyền và các ngành công nghiệp có sự điều tiết cho đến luật công ty, hợp đồng, luật dân sự, tài sản và nhiều môn khác -- đều được vay mượn từ kinh tế học để giải thích các quy định pháp luật và các thể chế nào là có hiệu quả hoặc cách thức để đạt được điều đó. Ngày nay, các học thuyết kinh tế và lý luận kinh tế học được tìm thấy rất nhiều trong ngôn ngữ pháp luật -- và cũng thường xuất hiện trong các phán quyết do tòa án đưa ra kể từ khi nhiều giáo sư luật-kinh tế nổi tiếng trở thành quan tòa của liên bang. Ngày nay, đội ngũ giáo viên dạy luật mới, đặc biệt trong các trường danh tiếng, ngoài văn bằng tiến sĩ về luật, thường có thêm bằng tiến sĩ ở các môn kinh tế học, lịch sử, khoa học chính trị, triết học hay xã hội học.

Luật toàn cầu

Sự thay đổi lớn tiếp theo trong giáo dục pháp luật vốn đã bắt đầu diễn ra là hướng phát triển nghiên cứu luật toàn cầu. Các trường luật ở Mỹ đã mở rộng chương trình học dành cho các sinh viên luật nước ngoài, dần dần chấp nhận cho nhiều sinh viên không phải người Mỹ theo học các chương trình luật chính quy và đồng thời gửi các sinh viên Mỹ ra nước ngoài theo học một năm ở các quốc gia khác. Các khóa học về các lĩnh vực luật xuyên quốc gia bắt đầu phát triển mạnh mẽ, đặc biệt là luật thương mại xuyên quốc gia và luật nhân quyền quốc tế cũng như các lĩnh vực luật chuyên biệt của từng vùng như Luật Trung Quốc, Luật Nhật Bản và Luật Hồi giáo.

Các trường luật ở Mỹ có lịch sử phát triển từ từ, hơi chậm, và đôi lúc khiên cưỡng nhưng đã cho thấy một sự mở rộng tầm nhìn thực sự. Theo mô hình của Đại học Harvard, các trường luật hiện đại của Mỹ

đã bắt đầu bằng cách chuyên giảng dạy môn tư pháp để chuẩn bị cho sinh viên hành nghề trong lĩnh vực tư, nhưng sau đó đã dần dần mở rộng đưa thêm môn công pháp để chuẩn bị cho họ trong các lĩnh vực có tính chất công và hoạt động thay mặt cho người nghèo và các phong trào xã hội. Các trường bắt đầu giảng dạy luật như một lĩnh vực riêng biệt nhưng từ đó đã mở rộng và kết hợp với các chuyên ngành khác. Họ cũng đã biết cách bổ sung phương pháp phân tích từng trường hợp với phương pháp xử lý vụ việc cụ thể trong thực tế với sự chứng kiến của sinh viên. Và sau hai thế kỷ phát triển cô lập, họ đã bắt đầu mở cửa và học hỏi từ các sinh viên, các truyền thống và thực nghiệm về luật từ các quốc gia khác trên thế giới.

Giáo dục pháp luật và quan niệm xét lại luật

Các tòa án ở Mỹ được thực thi một quyền độc đáo gọi là "xét lại luật", nghĩa là các quan tòa có thể tuyên bố vô hiệu lực và bác bỏ các luật đã được cơ quan lập pháp thông qua hay các đạo luật của cơ quan hành pháp mà họ cho là vi phạm hiến pháp. Quyền này không được đề cập trong Hiến pháp Hoa Kỳ hay hiến pháp của các bang. Nhưng dần dần nó đã được chấp nhận như là một quyền hợp pháp và được các quan tòa liên bang và bang thường xuyên sử dụng.

Quan niệm xét lại luật được giải thích trong vụ *Marbury kiện Madison* (1803), một trong những vụ xét xử sớm nhất và nổi tiếng nhất của Tòa án Tối cao. Tổng thống sắp mãn nhiệm, John Adams đã bổ nhiệm William Marbury làm thẩm phán hòa giải. Tổng thống sắp nhậm chức Thomas Jefferson, người thù địch với phe phái Adams và các quan tòa của họ, không cho phép Marbury nhận nhiệm vụ đó. Marbury dựa trên một đạo luật của Quốc hội để gửi đơn lên Tòa án Tối cao yêu cầu họ ra chỉ thị yêu cầu chính quyền cho phép ông nhận nhiệm vụ quan tòa của mình.

Trong phán quyết do Tòa án Tối cao nhất trí đưa ra, Chánh án John Marshall đã đặt nền móng cho quyền hành tương lai của Tòa án Tối cao thông qua việc tuyên bố rằng Hiến pháp không cho phép Quốc hội ban cho Tòa án Tối cao ra chỉ thị cho tòa án cấp dưới hay các cơ quan của chính phủ và vì vậy đạo luật của Quốc hội không có hiệu lực. Marshall tuyên bố Hiến pháp không chỉ đơn giản là một kế hoạch của chính phủ mà còn là luật tối cao và có hiệu lực cao hơn cả các đạo luật do cơ quan lập pháp thông qua. Vì "các cơ quan xét xử có quyền và nghĩa vụ giải thích luật" cho nên tòa án phải có quyền bác bỏ và từ chối thực hiện các luật không theo đúng Hiến pháp.

Vào những thập kỷ sau vụ *Marbury*, nhiều tòa án bang đã sử dụng quyền xét lại luật để làm vô hiệu các quy chế mà họ cho là trái với luật hiến pháp. Trong thời gian từ 1880 đến 1937, Tòa án tối cao Mỹ thường xuyên bác bỏ các đạo luật của Quốc hội và của các bang mà họ cho là vượt quá giới hạn do hiến pháp quy định liên quan đến quyền của chính phủ trong việc điều tiết hoạt động kinh doanh. Sau năm 1950, các tòa án hay sử dụng quyền này để bảo vệ các quyền dân sự và quyền tự do dân sự của cá nhân chống lại các hành động đàn áp của bang như truy tố hình sự những người bất đồng chính kiến và các nhóm tôn giáo không được ưa chuộng. Trong vụ kiện nổi tiếng *Brown kiện Hội đồng Giáo dục* (1954), Tòa án tối cao đã làm mất hiệu lực mọi luật lệ có tính phân biệt liên quan đến giáo dục công lập với lập luận cho rằng các luật lệ đó đã vi phạm quy định trong Hiến pháp là mọi người đều có "quyền được luật pháp bảo vệ như nhau".

Việc các tòa án có quyết định cuối cùng về tính hợp hiến của luật có nghĩa rằng ở Mỹ, những vấn đề chính trị lớn như sự phân biệt chủng tộc thường được đưa ra tranh luận và quyết định như những vấn đề luật pháp trong tòa án. Kết quả là công việc của các luật sư bình thường được gắn với những vấn đề cơ bản về quản lý nhà nước và chính sách. Do đó từ những năm đầu tiên của chế độ Cộng hòa Mỹ, giáo dục pháp luật đã gắn với các luật sư giảng dạy về cấu trúc cơ bản và mục đích của bộ máy và hành động của chính phủ.

Toàn văn bằng tiếng Anh có trên Internet tại:

<http://usinfo.state.gov/journals/itdhr/0802/ijde/gordon.htm>